

<p>6. Kinh Ước Nguyện</p>	<p>6. If a Bhikkhu Should Wish (<i>Ākankheyya Sutta</i>)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>6. Kinh Ước nguyện (P. <i>Ākaṅkheyyasuttaṃ</i>, H. 願經) tương đương <i>Nguyện kinh</i>.⁹ Bài kinh bắt đầu bằng sự khẳng định của đức Phật về tầm quan trọng của đời sống đạo đức đối với người đang tầm cầu Thánh quả. Thành công trong sự tu tập không phải là kết quả của "ước nguyện" đơn thuần, mà là kết quả của việc thực hành đạo đức, thiền định và thiền quán.</p>	<p>6. <i>Ākankheyya Sutta</i>: If a Bhikkhu Should Wish. The Buddha begins by stressing the importance of virtue as the foundation for a bhikkhu's training; he then goes on to enumerate the benefits that a bhikkhu can reap by properly fulfilling the training.</p>
<p>Viết Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sāvattḥī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).</p> <p>Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:</p> <p>-- Các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới.</p> <p>Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội</p>	<p>[33] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Sāvattḥī in Jeta's Grove, Anāthapiṇḍika's Park.</p> <p>There he addressed the bhikkhus thus: "Bhikkhus." — "Venerable sir," they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. "Bhikkhus, dwell possessed of virtue, possessed of the Pātimokkha, restrained with the restraint of the Pātimokkha, perfect in conduct and resort, and seeing fear in the slightest fault, train by undertaking the training precepts."⁷⁶</p> <p>3. "If a bhikkhu should wish: 'May I be dear and agreeable to my companions in the holy life, respected and esteemed by them,' let him fulfil the precepts, be devoted to internal serenity of</p>

tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nay hưởng thọ các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh! Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung, nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ (và nhờ vậy) được quả báo lớn, lợi ích lớn!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong

mind, not neglect meditation, be possessed of insight, and dwell in empty huts.⁷⁷

4. "If a bhikkhu should wish: 'May I be one to obtain robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites,' let him fulfil the precepts...

5. "If a bhikkhu should wish: 'May the services of those whose robes, almsfood, resting place, and medicinal requisites I use bring them great fruit and benefit,' let him fulfil the precepts...

6. "If a bhikkhu should wish: 'When my kinsmen and relatives who have passed away and died remember me with confidence in their minds, may that bring them great fruit and great benefit,' let him fulfil the precepts...⁷⁸

7. "If a bhikkhu should wish: 'May I become a conqueror of discontent and delight, and may discontent not conquer me; may I abide transcending discontent whenever it arises,' let him fulfil the precepts...

8. "If a bhikkhu should wish: 'May I become a conqueror of

rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta! Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát Sắc giới, thuộc Vô sắc giới. Mong rằng ta có thể cảm xúc với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng trừ diệt ba kiết sử, làm cho mọi lợc tham, sân, si, ta chứng được Nhứt Lai, chỉ phải trở lại đời một lần nữa để đoạn tận khổ đau!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

fear and dread, and may fear and dread not conquer me; may I abide transcending fear and dread whenever they arise,'

let him fulfil the precepts...

9. "If a bhikkhu should wish: 'May I become one to obtain at will, without trouble or difficulty, the four jhānas that constitute the higher mind and provide a pleasant abiding here and now,'

let him fulfil the precepts...

10. "If a bhikkhu should wish: 'May I contact with the body and abide in those liberations that are peaceful and immaterial, transcending forms,'

let him fulfil the precepts... [34]⁷⁹

11. "If a bhikkhu should wish: 'May I, with the destruction of three fetters, become a stream-enterer, no longer subject to perdition, bound [for deliverance], headed for enlightenment,'

let him fulfil the precepts...⁸⁰

12. "If a bhikkhu should wish: 'May I, with the destruction of three fetters and with the attenuation of lust, hate, and delusion, become a once-returner, returning once to this world to make an end of suffering,'

let him fulfil the precepts...

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta chứng được các loại thần thông! Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân;

ta hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua thành, qua núi như đi ngang hư không, ta độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền;

ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Ngươi, ở xa hay ở gần!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh và loài Ngươi.

Tâm có tham, ta biết tâm có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham.

13. "If a bhikkhu should wish: 'May I, with the destruction of the five lower fetters, become due to reappear spontaneously [in the Pure Abodes] and there attain final Nibbāna, without ever returning from that world,'

let him fulfil the precepts...⁸¹

14. "If a bhikkhu should wish:⁸² 'May I wield the various kinds of supernormal power: having been one, may I become many; having been many, may I become one;

may I appear and vanish; may I go unhindered through a wall, through an enclosure, through a mountain as though through space; may I dive in and out of the earth as though it were water; may I walk on water without sinking as though it were earth; seated cross-legged,

may I travel in space like a bird; with my hand may I touch and stroke the moon and sun so powerful and mighty; may I wield bodily mastery, even as far as the Brahma-world,'

let him fulfil the precepts...

15. "If a bhikkhu should wish: 'May I, with the divine ear element, which is purified and surpasses the human, hear both kinds of sounds, the divine and the human, those that are far as well as near,'

let him fulfil the precepts...

16. "If a bhikkhu should wish: 'May I understand the minds of other beings, of other persons, having encompassed them with my own mind.

May I understand a mind affected by lust as affected by lust and a mind unaffected by lust as unaffected by lust;

Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không sân, ta biết tâm không sân.

Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không si, ta biết tâm không si.

Tâm chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành.

Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng.

Tâm Thiền định, ta biết tâm Thiền định. Tâm không Thiền định, ta biết tâm không Thiền định.

Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát!"

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp, ta nhớ rằng:

"Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này, Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ.

Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại

may I understand a mind affected by hate as affected by hate and a mind unaffected by hate as unaffected by hate;

may I understand a mind affected by delusion as affected by delusion and a mind unaffected by delusion as unaffected by delusion;

may I understand a contracted mind as contracted and a distracted mind as distracted;

may I understand an exalted mind as exalted and an unexalted mind as unexalted; may I understand a surpassed mind as surpassed and an unsurpassed mind as unsurpassed;

may I understand a concentrated mind as concentrated [35] and an unconcentrated mind as unconcentrated;

may I understand a liberated mind as liberated and an unliberated mind as unliberated,'

let him fulfil the precepts...

17. "If a bhikkhu should wish: 'May I recollect my manifold past lives, that is, one birth, two births... (as *Sutta 4*, §27)...

Thus with their aspects and their particulars may I recollect my manifold past lives,'

let him fulfil the precepts...

chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn các Tôn giả, chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này.

Như vậy, ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ!"

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Với sự

18. "If a bhikkhu should wish: 'May I, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, see beings passing away and reappearing, inferior and superior, fair and ugly, fortunate and unfortunate; may I understand how beings pass on according to their actions thus:...' (as Sutta 4, §29)...

let him fulfil the precepts...

19. "If a bhikkhu should wish: 'May I, by realising for

diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc!",

Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và tu học các học giới.

Như vậy, phàm đã nói gì, chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

myself with direct knowledge, here and now enter upon and abide in the deliverance of mind and deliverance by wisdom that are taintless with the destruction of the taints,'⁸³ [36]

let him fulfil the precepts, be devoted to internal serenity of mind, not neglect meditation, be possessed of insight, and dwell in empty huts.

20. "So it was with reference to this that it was said: 'Bhikkhus, dwell possessed of virtue, possessed of the Pātimokkha, restrained with the restraint of the Pātimokkha, perfect in conduct and resort, and seeing fear in the slightest fault, train by undertaking the training precepts.'"

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

76. MA says that the expression *sampannasīlā*, translated here as "possessed of virtue," can mean either "perfect in virtue" (*paripuṇṇasīlā*) or "endowed with virtue" (*sīlasamangino*). The Pātimokkha is the code of monastic discipline, which in its Pali version consists of 227 rules. "Resort" (*gocara*) implies a proper resort for alms, though it may also signify the proper deportment of a monk, his serene and self-possessed bearing. The key terms in this passage are analysed at Vsm I, 43–52.

77. MA: The passage beginning with “let him fulfill the precepts,” repeated for each of the following sections until the end of the sutta, comprises the entire threefold training. The phrase about fulfilling the precepts signifies the training in higher virtue (*adhisīlasikkhā*); the phrase “be devoted to internal serenity of mind, not neglect meditation” indicates the training in concentration or the higher mind (*adhicittasikkhā*); and the phrase “be possessed of insight” points to the training in the higher wisdom (*adhipannāsikkhā*). The phrase “dwell in empty huts” combines the latter two trainings, since one resorts to an empty hut to develop serenity and insight.

78. That is, if the relatives who have been reborn in the realm of ghosts or in some lower deva realm recollect virtuous bhikkhus with confidence, that confidence will become a source of merit for them, protecting them from bad rebirths and becoming a positive condition for the attainment of Nibbāna.

79. These are the four immaterial attainments for which the full formulas are to be found below at MN 8.8–11, MN 25.16–19, etc. MA glosses “body” as “mental body” (*nāmakāya*).

80. The three fetters destroyed by the stream-enterer are identity view, doubt, and adherence to rules and observances, as mentioned at MN 2.11.

81. In addition to the first three fetters, the non-returner destroys the other two “lower fetters” of sensual desire and ill will. The non-returner is reborn in a special region of the Brahma-world called the Pure Abodes, and there makes an

end of suffering.

82. §§14–19 present the six kinds of direct knowledge (*abhinnā*). See Introduction, p. 37; for details, see Vsm XII and XIII.

83. MA: In this passage “mind” and “wisdom” signify, respectively, the concentration and wisdom associated with the fruit of arahantship. Concentration is called “deliverance of mind” (*cetovimutti*) because it is liberated from lust; wisdom is called “deliverance by wisdom” (*paññāvimutti*) because it is liberated from ignorance. The former is normally the result of serenity, the latter the result of insight. But when they are coupled and described as taintless (*anāsava*), they jointly result from the destruction of the taints by the supramundane path of arahantship.